

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2025/HNGĐ-ST

Ngày 09-02-2026.

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - SƠN LA

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Hải.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Tiến Hiệt.

2. Ông Hà Chí Thanh.

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Sơn La.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Tường Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Sơn La xét xử công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 138/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2025, về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2026/QĐXX - HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2025/QĐST-DS ngày 02 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị Quàng Thị H, sinh năm 1996. Số định danh cá nhân: 014196002128. Địa chỉ: Bản K, phường C, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- ***Bị đơn:*** Anh Lò Văn T, sinh năm 1989. Số định danh cá nhân: 014089006091. Địa chỉ: Tiều khu H, xã Y, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/11/2025 cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trong quá trình xét xử chị Quàng Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Quàng Thị H và anh Lò Văn T kết hôn vào năm 2014, trên cơ sở tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn và được UBND xã H, thành phố S (nay là phường C, tỉnh S) cấp giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn, anh chị sống chung hạnh phúc được khoảng 08 năm, đến năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do

quan điểm sống không phù hợp, thường xuyên cãi cọ, xích mích, cuộc sống chúng không hạnh phúc, đến năm 2023 thì mâu thuẫn trở nên trầm trọng, mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng vẫn không cải thiện được và anh, chị đã ly thân từ năm 2023 cho đến nay, không ai quan tâm, hỏi han gì nhau, chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị H và anh T có 01 con chung là cháu Lò Minh Đ, sinh ngày 13/11/2014, hiện nay đang do chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, nguyện vọng của chị sau khi ly hôn là tiếp tục được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đức cho đến khi cháu trưởng thành, chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung: Chị H và anh T đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị H cam kết không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Đơn đề nghị ngày 20/11/2025 cháu Lò Minh Đ có nguyện vọng được chị Quàng Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Tại phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 13/01/2026 chị Quàng Thị H giữ nguyên yêu cầu, phạm vi khởi kiện, bị đơn anh Lò Văn T không có mặt, không có yêu cầu phản tố và không ai cung cấp tài liệu chứng cứ, yêu cầu gì khác, chị H có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Toà án đã lập biên bản không hoà giải được.

Đối với Bị đơn anh Lò Văn T: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà nhưng anh T không có mặt tại địa phương, không rõ đi đâu địa chỉ mới hiện nay ở đâu, vì vậy Tòa án đã tiến hành lập biên bản về việc không thực hiện được việc cấp tổng đạt, thông báo theo quy định tại khoản 5 Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự, và niêm yết các loại văn bản trên đảm bảo theo quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Qua xác minh với ông Quàng Văn C – tiểu khu trưởng tiểu khu H, xã Y, tỉnh Sơn La cho biết:

Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng chị Quàng Thị H và anh Lò Văn T kết hôn với nhau từ năm 2014, việc kết hôn là đúng quy định của pháp luật được UBND xã Hua La, tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận kết hôn, sau khi thành hôn vợ chồng anh chị sinh

sống với nhau ở đâu không rõ, thỉnh thoảng cả hai anh chị về thăm gia đình bố mẹ đẻ anh T tại địa phương và anh T vẫn có hộ khẩu thường trú tại tiểu khu H, xã Y, tỉnh Sơn La, hiện nay anh T đã đi làm thuê, không có mặt tại nơi cư trú, không rõ địa chỉ làm việc, không thông báo với chính quyền địa phương, chỉ ngày lễ tết mới về nhà, còn chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở Bản K, phường C, tỉnh Sơn La để sinh sống.

Về con chung: Anh T và chị H có 01 con chung là cháu Lò Minh Đ, cháu đang được chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh T không sinh sống tại địa phương nên chính quyền địa phương không nắm được.

Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án ly hôn của chị H và anh T theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát Phát biểu việc tuân theo pháp luật và trình bày quan điểm giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký: Từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần như trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa sơ thẩm diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay nguyên đơn, đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Lò Văn T đã được tổng đạt hợp lệ các thủ tục theo quy định của pháp luật, tuy nhiên không đến Tòa án để giải quyết vụ án, không gửi văn bản nêu ý kiến của mình cho Tòa án theo quy định, nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 về sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng Dân sự, Luật Tố tụng Hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội. Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Quàng Thị H, xử cho chị được ly hôn với anh Lò Văn T.

- Về con chung: Đề nghị HĐXX giao các cháu Lò Minh Đ, sinh ngày 13/11/2014 cho chị Quàng Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Lò Văn T chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Các đương sự đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Quàng Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Quàng Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lò Văn T, xét thấy là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn anh Lò Văn T cư trú tại tiểu khu Huổi Hẹ, xã Y, tỉnh Sơn La nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Sơn La, theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 về sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng Dân sự, Luật Tố tụng Hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Tại phiên tòa bị đơn anh Lò Văn T vắng mặt không có lý do, hiện nay anh T đã đi khỏi nơi cư trú, không thông báo cho gia đình và chính quyền địa phương địa chỉ cư trú mới. Tòa án đã thực hiện các thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự tuy nhiên anh T vẫn không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án, cũng không gửi văn bản nêu ý kiến của mình cho Tòa án do vậy Tòa án không thể nắm bắt được nguyện vọng của

anh T về việc chị H xin ly hôn, người trực tiếp nuôi con và các vấn đề khác, vì anh T đã từ chối quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng nên Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ cùng yêu cầu của chị H để giải quyết vụ án và tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ngày 07/3/2014 chị Quàng Thị H và anh Lò Văn T tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại UBND xã Hua La, thành phố Sơn La (nay là phường Chiềng Cơi, tỉnh Sơn La), do đó quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T là hợp pháp theo quy định của pháp luật. Anh chị sống chung với nhau hạnh phúc được thời gian ngắn, đến năm 2023 mâu thuẫn trở nên trầm trọng, anh chị đã ly thân với nhau từ đó đến nay, mỗi người một nơi, chị H sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ tại bản Kham, phường Chiềng Cơi, thành phố Sơn La anh T sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ tại tiểu khu Huổi Hẹ, xã Y, tỉnh Sơn La, nhưng hiện nay anh T đã bỏ đi khỏi nơi cư trú, không thông báo cho gia đình và chính quyền địa phương, cố tình giấu địa chỉ cư trú mới, gây khó khăn cho việc giải quyết ly hôn tại Tòa án của chị Hạnh. Hiện nay Chị H cương quyết xin ly hôn với anh T, HĐXX nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng chị H anh T đã trở nên trầm trọng, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy cần xử cho chị H được ly hôn với anh Lò Văn T, theo quy định khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị Quàng Thị H và anh Lò Văn T có 01 con chung là cháu Lò Minh Đ, sinh ngày 13/11/2014, hiện nay cháu đang do chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục còn anh T hiện nay không rõ địa chỉ ở đâu, không quan tâm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu và cháu Đức có nguyện vọng được chị H tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục để được thuận lợi cho việc sinh sống, học tập của cháu nên HĐXX xét thấy cần giao cháu Đức cho chị Quàng Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi là phù hợp và đảm bảo cho sự phát triển về thể chất và tinh thần cũng như thuận lợi cho việc sinh sống và học tập cho cháu. Chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị, xét thấy việc không yêu cầu trên là do chị H tự nguyện không trái quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn không ai được cản trở, căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Quàng Thị H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 về sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng Dân sự, Luật Tổ tụng Hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội. Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Quàng Thị H, xử cho chị Quàng Thị H được ly hôn với anh Lò Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Lò Minh Đ, sinh ngày 13/11/2014 cho chị Quàng Thị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh Lò Văn T chưa phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị H và anh T đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Chị Quàng Thị H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000803 ngày 28/11/2025 tại Thi hành án Dân sự tỉnh Sơn La.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Quàng Thị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; anh Lò Văn T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND Khu vực 4 - Sơn La;
- Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La;
- UBND phường Chiềng Còi, tỉnh Sơn La;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Hoàng Văn Hải